TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-ST
Ngày: 11-6-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông.

2. Ông Trương Văn Phúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lương Phước H**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B là ông Lương Phước H trình bày:

Tháng 5/2025 âm lịch, thông qua ông Lương Phước H thì ông Phạm Văn T có vay của ông Nguyễn Thanh B số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 10 tháng. Khi vay tiền, hai bên có viết Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch.

Sau khi vay tiền, ông T có đóng 02 tháng tiền lãi cho ông B là 6.000.000 đồng, sau đó thì không đóng lãi tiếp, số tiền gốc là 50.000.000 đồng thì đến nay ông T chưa trả cho ông B mặc dù ông B đã yêu cầu nhiều lần.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông B không đồng ý cho ông T trả dần 1.500.000 đồng/tháng.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Tháng 5/2025 âm lịch, thông qua ông Lương Phước H thì ông có vay của ông Nguyễn Thanh B số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 10 tháng. Khi vay tiền, hai bên có viết Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch, chính là Giấy mượn tiền do ông B cung cấp cho Tòa án.

Sau khi vay tiền, ông có đóng 02 tháng tiền lãi cho ông B là 6.000.000 đồng, sau đó do làm ăn khó khăn nên ông không tiếp tục đóng lãi cho ông B và đến nay chưa trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng cho ông B.

Nay ông B khởi kiện, ông đồng ý trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng cho ông B, nhưng do lớn tuổi, làm ăn khó khăn nên ông xin được trả dần 1.500.000 đồng/tháng.

Do là người cao tuổi nên ông xin được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do không có mặt Theo các Thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông T trả cho ông B số tiền gốc đã vay tổng cộng là 50.000.000 đồng, ghi nhận ông B không yêu cầu tính lãi.

Ông T yêu cầu trả dần 1.500.000 đồng/tháng, ông B không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Về án phí: Bị đơn ông T được miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc ông Phạm Văn T trả số tiền gốc đã vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch. Hiện ông T cư trú tại ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông B:

Theo ông B và đại diện theo ủy quyền của ông B là ông H trình bày thì ông T có vay của ông B số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 10 tháng theo Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch; ông B đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông T không trả cho ông B số tiền trên nên ông khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông B là Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch có chữ ký tên, ghi rõ họ tên của ông T do ông B cung cấp, theo đó vào ngày 15/4/2025 âm lịch thì ông T có vay của ông B số tiền là 50.000.000 đồng. Ông T thừa nhận có vay của ông B số tiền 50.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền trên. Các bên thống nhất lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 10 tháng. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi; đều là bản viết tay, không có công chứng hoặc chứng thực. Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Điều luật này không quy định bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, hợp đồng vay tài sản trên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó

ràng buộc quyền, nghĩa vụ của ông B, ông T và từ đó có cơ sở xác định ông T có vay của ông B số tiền là 50.000.000 đồng.

Hợp đồng vay tài sản trên có thời hạn vay là 10 tháng, đến nay đã quá hạn nhưng ông T chưa trả cho ông B số tiền đã vay là 50.000.000 đồng. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Như vậy, việc ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận, ông T đồng ý trả cho ông B số tiền gốc là 50.000.000 đồng nên được ghi nhận. Ông B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên được ghi nhận.

Ông T xin được trả dần 1.500.000 đồng/tháng nhưng ông B không đồng ý nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Bsố tiền là 50.000.000 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng do ông T phải nộp. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B đối với bị đơn ông Phạm Văn T theo Giấy mượn tiền đề ngày 15/04/2025 âm lịch.

Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Thanh B số tiền gốc đã vay là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ghi nhận ông Nguyễn Thanh B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Thanh B được nhân lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005417 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến